TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/DS-PT
Ngày 25 - 01 - 2024
V/v: *Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất bị lấn chiếm.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Các Thẩm phán: Ông Cầm Xuân Thủy.

Bà Tòng Thị Hiền.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Việt Khương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2023/TLDS-PT ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất bị lấn chiếm.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi Văn H, sinh năm: 1985; địa chỉ: Bản K, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn*:

+ Ông Nguyễn Văn P (Nguyễn Thanh P1), sinh năm: 1958; địa chỉ: Bản K, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt;

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985; địa chỉ: Bản K, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Do có kháng cáo *của bị đơn* ông Nguyễn Văn P (Nguyễn Thanh P1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, trình bày:

Năm 2004, gia đình ông được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) mang tên ông Bùi Văn H, với diện tích chiều rộng giáp đất ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn T là 14,5m trong thời gian sử dụng có ông T và ông P xây dựng lấn chiếm vào diện tích đất của gia đình ông, sự việc đã được chính quyền xã P hòa giải cho hai bên, nhưng phía gia đình ông P, anh T không chấp hành và không xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đối chiếu, dẫn đến không xác định mốc giới sử dụng, ông H xác định hiện tại phần đằng sau thửa đất của ông P và ông T lấn chiếm vào đất của gia đình ông khoản 1,4m dọc theo đất của gia đình, do vậy ông làm đơn đến Tòa án nhân dân huyện Y xem xét buộc gia đình ông P và ông T phải trả lại 1,4m đất dọc theo đất của gia đình ông.

Theo Bản tự khai, trình bày tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn P, trình bày:

Vào năm 1990, ông được HTX giao đất để sử dụng, nên gia đình đã sử dụng và trồng cây vông làm hàng rào, đến năm 2004 gia đình được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chiều mặt đường quốc lộ 6C là 20m, chiều sâu là 27m, đồng thời ông tách cho con trai là Nguyễn Văn T chiều rộng mặt đường là 10m, chiều rộng phía sau là 8m, chiều dài tính từ tim đường trừ hành lang sâu vào là 27m, tại thời điểm ông tách cho con trai, cả 09 hộ gia đình cùng làm sổ đỏ. Từ khi được Nhà nước cấp đất gia đình đã sử dụng và xây bể khí ô ga và xây tường rào dọc theo đất được cấp, ông xác định gia đình ông không xây dựng lấn chiếm đất của ông H, đề nghị Tòa án tiến hành xác minh các hộ được cấp cùng thời điểm, ông không nhất trí với đề nghị của ông H về việc cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất.

Theo Bản tự khai, trình bày tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T, trình bày:

Anh là con trai ông Nguyễn Văn P, anh được bố tách đất cho chiều rộng là 10m mặt đường, chiều rộng phía sau là 8m, chiều dài từ tim đường đã trừ hành lang giao thông là 27m, hiện xác định gia đình không sử dụng lấn chiếm đất theo yêu cầu của ông Bùi Văn H gia đình ông không đồng ý; và cho biết gia đình ông được cấp đất năm 1990 sau khi được cấp đất gia đình trồng một hàng vông làm mốc giới cho mảnh đất được cấp. gia đình ông vẫn giữ nguyên mốc giới, không di chuyển mốc giới từ đó đến nay . Năm 1993, UBND xã P cấp đất cho 09 hộ dân, mỗi gia đình được cấp 13m mặt đường xóm trong đó có gia đình ông Đ, ông H có sổ sách ghi ngày cấp đất cho 09 hộ gia đình và có xác nhận của Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm HTX lúc bấy giờ là ông Nguyễn Văn B và ông Phan Văn P2.

Cách đây khoảng 13-14 năm gia đình tôi có xây bờ rào, sau hàng vông không xảy ra tranh chấp gì cho đến 2023 ông Hoàn Đ1 mới có tranh chấp khởi kiện những hộ liền kề giáp ranh, sau đó mới cho rằng gia đình anh lấn chiến đất, anh không nhất trí với ý kiến đề nghị của phía nguyên đơn, đề nghị Tòa án xác minh những nhân chứng được cấp đất tại thời điểm đó cho khách quan.

Quá trình tại cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh nhưng nội dung sau:

Đối với ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1955; trú tại bản K, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La (nguyên là Chủ nhiệm HTX K), cho biết: Vào năm 1989, ông được nhân dân bản K bầu chức vụ Chủ nhiệm HTX được Chi bộ bản và HTX họp thống nhất giao cho các hộ đất của HTX để làm nhà ở, việc đó được thể hiện trong Biên bản gồm 09 hộ gia đình trong đó có ông Bùi Văn Đ2, bà Trần Thị L, ông Bùi Thế V, ông Vũ Văn N, ông Chu Văn C, ông Nguyễn Văn H1, bà Bùi Thị Đ3, ông Nguyễn Văn B1 và một số hộ khác, mỗi hộ gia đình được chia 13m mặt đường, chiều sâu 32m, trong đó có 05 hộ có chiều sâu 27m (Sau khi giao các hộ đã sử dụng đất làm nhà, còn việc làm thủ tục cấp đất đến năm 2004 tất cả các hộ mới làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Xác minh ông Phan Văn P2, sinh năm 1962, trú tại bản K, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La (nguyên là Phó chủ nhiệm HTX K), ông cho biết: Vào năm 1993, ông giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã K, xã P, huyện Y căn cứ vào nhu cầu sử dụng của người dân HTX và chủ hộ đã thống nhất giao đất ở cho hộ gia đình bao gồm 09 hộ. Còn về sau các hộ làm thủ tục cấp đất, tách cho con thế nào ông không biết. Ông giữ chức vụ này đến năm 2004 thì làm Bí thư đảng ủy xã đến năm 2018 ông nghỉ hưu theo chế độ.

Xác minh hộ liền kề là chị Nguyễn Thu T1, sinh năm 1989, bà T1 cho biết: Gia đình chị là hộ giáp ranh với gia đình của ông Nguyễn Văn P, Tòa án huyện Y thực hiện việc xem xét thẩm định tại chỗ, chị được tham gia chứng kiến và chỉ mốc giới, chị xác định gia đình chị không có tranh chấp gì về ranh giới đối với đất gia đình ông P. Việc tranh chấp giữa gia đình ông H với gia đình ông P, ông T mong Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh bà Lê Thị X, sinh năm 1950 hộ liền kề đất đang tranh chấp, bà X cho biết: Gia đình bà là hộ giáp ranh với gia đình chị H2 và anh Đ4. Tòa án huyện Y thực hiện việc xem xét thẩm định tại chỗ bà cũng được tham gia chỉ mốc giới, hiện nay gia đình bà với gia đình anh chị H2, Đ4 không có tranh chấp gì về ranh giới.

Ý kiến ông Đ4 và bà H2 về liên quan đến diện tích đất ông Bùi Văn H tặng cho: bà H2 là em ruột của ông H. Năm 2016 ông bà được ông H tặng cho một phần trong thửa đất đã có sổ đỏ, có tứ cạnh tiếp giáp: Một mặt giáp đường xóm chiều rộng 5m, chiều sâu khoảng 33m, một bên giáp đất bà Lê Thị X, một bên giáp đất ông H. Tổng diện tích khoảng 99m^2. Việc tặng cho giữa hai bên đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Sau khi được cấp đất gia đình đã xây dựng ngôi nhà cấp 4 và sử dụng ổn định ranh giới. Hiện nay ông H, ông P và anh T có xảy ra tranh chấp gia đình ông bà không liên quan tới việc tranh chấp. Do vậy ông bà không yêu cầu xem xét giải quyết và đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 163, 164, 166, Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 17; Điều 166, Điều 170 và Điều 203 của Luật Đất đai; khoản 1, khoản 6 Điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn H về việc đòi lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm.

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải di dời, phá dỡ tường rào, giằng móng bê tông được xây dựng trên diện tích 4,4m^2 đất ở và trả lại cho ông Bùi Văn H diện tích 4,4m2 đất ở, có tứ cạnh cụ thể:

Phía Đông Nam giáp đường xóm 1,30m;

Phía Bắc giáp đất ông P 0,39m; Phần kéo dài từ mặt đường xóm đến phần đất ông P

Phía Tây Nam giáp đất ông H là 5,24m;

Phần kéo dài từ mặt đường xóm đến phần đất ông P phía Đông Bắc giáp ông T là 5,47m;

Tổng diện tích lấn chiếm là 4,4m^2.

- Buộc ông Nguyễn Văn P phải di dời, phá dỡ tường rào được xây dựng trên diện tích 1,19m2 đất ở và trả lại cho ông Bùi Văn H diện tích 1,19m2 đất ở, có các cạnh cụ thể: Cạnh giáp phần đất ông T phải trả cho ông Bùi Văn H 0,39m; Cạnh giáp đất ông Bùi Văn H là 6,26m; Cạnh giáp đất ông P là 6,26m. Tổng diện tích là 1,19m^2.

Tổng diện tích đất buộc ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn P (Nguyễn Thanh P1) phải trả lại cho ông Bùi Văn H là 5,59m^2. Phần diện tích đất này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri: V 867427, số vào sổ 00145 do UBND huyện Y cấp theo Quyết định số 36/QĐ-UBND, ngày 16/01/2004 mang tên ông Bùi Văn H.

(Có sơ đồ trích đo hiện trạng kèm theo bản án). Diện tích đất tranh chấp được thể hiện theo sơ đồ mô tả do Hội đồng xét xử lập kèm theo bản án là một phần không thể tách rời của bản án sơ thẩm.

Ghi nhận ý kiến ông Nguyễn Văn T: kể từ ngày Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đến khi xét xử xong vụ án, ông T có trách nhiệm dừng không xây dựng phần bếp vì đang liên quan đến nội dung tranh chấp.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Do không nhất trí với Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DSST ngày 20/9/2023 bị đơn có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm.

* Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh:

Tại bộ phận Địa chính – UBND xã P, huyện Y, xác định hộ gia đình ông Bùi Văn Đ2, anh Bùi Văn H và hộ gia đình ông Nguyễn Văn P, anh Nguyễn Văn T xảy ra tranh chấp từ đầu năm 2023, sau khi nhận được đơn của ông Đ2, chính quyền địa phương đã tiến hành hòa giải và đi đo đạc lại diện tích đất của các hộ; theo hiện trạng thể hiện có hàng cây vông cũ + tường rào do gia đình ông P xây từ năm 2009 để làm ranh giới, quá trình xây không xảy ra tranh chấp gì, hiện trạng đất sử dụng từ trước đến nay vẫn ổn định, việc hộ gia đình ông Đ2, anh H cho rằng đất bị lấn chiếm thiếu 1,4m mặt đường không rõ nguyên nhân; do đó, xã đã xác minh nguồn gốc đất do HTX K cấp cho các hộ dân gia đình trong đó có ông P được cấp đất trước còn gia đình ông Đ2 được cấp đất sau. Đối với việc có sai số tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định có việc xảy ra sai số do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp từ năm 2004 thời điểm này việc đo đạc hiện trạng đất là đo bằng thủ công nên có việc xảy ra sai số. Do đó đề nghị Tòa án căn cứ vào nguồn gốc đất và các tài liệu, nhân chứng ý kiến của Ban quản lý bản, HTX K để quyết định giải quyết vụ án.

* Cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá lại tài sản tranh chấp theo yêu cầu của ông P và ông T, kết quả:

- Phần diện tích đang tranh chấp tổng là 7,95m^2. Phần diện tích tranh chấp nằm giữa các hộ gia đình ông P, ông T với hộ gia đình ông H. Loại đất chưa xác định (đất ở tại nông thôn hay đất trồng cây lâu năm), có tứ cận:

+ Phía Đông Nam giáp đường bê tông xóm(đường 8m): 1,4m;

+ Phía Bắc giáp đất nhà ông P, anh T dài: 11,4m;

+ Phía Tây giáp đất nhà ông H: 11,26m.

- Tài sản trên diện tích đất tranh chấp, gồm:

+ Phía sau đất của ông T phần giáp đất ông H có xây dựng tường gạch bavanh (xây dựng năm 2009), tường dày 110mm, cao 1,7m, tổng chiều dài 14,88m, trong đó có 11,48m tường rào nằm trong ranh giới tranh chấp;

+ Phía sau nhà ông T phần giáp đất ông H có hệ giằng bê tông cốt thép đổ vào ngày 19/6/2023, rộng 22cm, cao 25cm, tổng chiều dài 9,00m, trong đó có 5,59m giằng nằm trong ranh giới tranh chấp. Phía trên giằng không có các công trình khác;

+ Phía sau nhà ông T phần giáp đất ông H có 2,87m^2 sân đổ bê tông dày 10cm nằm trong ranh giới tranh chấp, sân bê tông đổ ngày 01/12/2023;

+ Phía sau nhà ông T có xây dựng hệ thống bioga gồm 02 bể, xây dựng năm 2009, tại thời điểm kiểm tra hiện trạng không xác định được kích thước tổng thể của 02 bể (có một phần bể số 01 - bể to nằm trong ranh giới tranh chấp).

Kết luận về định giá tài sản

Phương án 1. Trường hợp thửa đất cần định giá là đất ở nông thôn

- Tài sản là đất:43.693.134 đồng;
- Tài sản trên đất: 631.400 đồng;
- Tổng giá trị tài sản là: 44.324.543 đồng.

Phương án 2. Trường hợp thửa đất cần định giá là đất trồng cây lâu năm

- Tài sản là đất: 477.000 đồng;
- Tài sản trên đất:631.400 đồng;
- Tổng giá trị tài sản là:1.108.400 đồng.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm*:

Ý kiến của bị đơn: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm; về lệ phí chi phí đo đạc thẩm định tại chỗ. Ai sai người đó phải chịu.

Ý kiến của nguyên đơn: Không nhất trí đối với nội dung đơn kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn P.

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 BLTTDS, đề nghị Hội đồng xét xử, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của TAND huyện Y theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* *Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn T, đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định tại Điều 272 BLTTDS, do đó vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Bùi Văn H được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004 với tổng diện tích đất là 470,3m^2, có chiều rộng mặt đường là 14,5m, chiều sâu là 33m ông H cho rằng ông P và ông T đã xây dựng lấn chiếm 1,4m đất mặt đường của gia đình ông, do đó ông H đã làm đơn khởi kiện buộc ông P và ông T trả lại đất đã lấn chiếm. Do đó cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất bị lấn chiếm" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về nội dung đơn khởi kiện, đơn kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Về nguồn gốc đất tranh chấp thuộc thửa 325, 326,327 và 293 tờ bản đồ số 1 của hộ gia đình ông H (Đ), ông T, P

Căn cứ vào các tài liệu khai thác tại UBND Huyện Y có trong hồ sơ vụ án, xác định nguồn gốc diện tích đất của gia đình ông Bùi Văn H, do Hợp tác xã Kim C1 giao đất cho gia đình ông Đ2 vào năm 1993 là 13m chiều rộng mặt đường và 32m chiều sâu (có sổ gốc họp ghi ngày 13/2/1993) và xác nhận (tại BL 39) ; ngày 18/9/2003 ông Đ2 có làm Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ tách từ bố sang con, có biên bản đo đạc ngày 14/9/2003 và sơ đồ thửa đất(không có ký giáp ranh của các hộ liền kề) ;

Đối với nguồn gốc đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn P (Nguyễn Thanh P1), Nguyễn Văn T cũng do Hợp tác xã K giao năm 1990 cấp đợt 1. Do đó, việc cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc đất là của ông Bùi Văn H được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/01/2004 là chưa đầy đủ, chính xác.

2.2. Xét về quá trình khai thác, sử dụng đất:

Xác định nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình ông P1 là người được giao đất sử dụng ổn định từ năm 1990, trong quá trình sử dụng đất năm 2009 gia đình ông P1 có xây dựng tường rào sau hàng cây vông để làm ranh giới đất, gia đình ông Đ2, anh H không có đơn tranh chấp gì; Năm 2016 ông H tặng cho em gái một phần trong thửa đất được cấp, có tứ cạnh tiếp giáp: Một mặt giáp đường xóm chiều rộng 5m, chiều sâu khoảng 33m (đã có sổ đỏ riêng); mặt khác, thửa đất nhà anh T, ông Phong thấp hơn so với thửa đất nhà ông Đ2, do có sự đổ thêm đất vào thửa đất của gia đình ông Đ2.

Việc tranh chấp năm 2023, đã được chính quyền địa phương hòa giải xác định rõ nguồn gốc sử dụng, không có việc hộ gia đình ông P1, anh T sử dụng lấn chiếm đất của hộ gia đình ông Đ2, anh H. Ngoài ra bộ phận địa chính, đại diện UBND xã P đã xác định việc số liệu tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất đồng bộ cho các hộ dân vào năm 2004, trong đó có hộ gia đình ông P1, anh T và anh Bùi Văn H việc xác minh đo đạc hiện trạng sử dụng tại thời điểm đó là đo thủ công nên có thể sai sót về số liệu là có cơ sở.

Về diện tích tăng thêm ông Đ2 có ý kiến do mua thêm 1,5m tuy nhiên đến thời điểm xét xử phúc thẩm không đưa ra được các căn cứ chứng minh cho việc tăng thêm về chiều rộng diện tích thửa đất từ nguồn nào, mua của ai? Thời gian nào ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 2004. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật T tụng dân sự các đương sự phải có nghĩa vụ chứng minh và giao nộp tài liệu chứng cứ hợp pháp để Hội đồng có cơ sở xem xét đánh giá.

Mặt khác, quá trình thẩm định tại chỗ phúc thẩm thấy rằng: Cơ bản phù hợp với kết quả số liệu của cấp sơ thẩm; về chiều dài thửa đất của nhà anh T có mặt sau giáp với thửa đất nhà anh H đã xây dựng nhà có vị trí xây trên hành lang con đường 8m là 1,7m x 27,1m (42,6m^2); nếu chấp nhận theo yêu cầu của ông H thì đất ông T chỉ còn 25,7m , tương tự kéo chéo vào thửa đất nhà ông P1 thì diện tích tranh chấp là 7,95m^2 như vậy tổng diện tích gia đình ông Phong T2 sẽ thiếu cả chiều rộng và dài so với Sơ đồ thửa đất đo ngày 14/9/2003 (có xác định của UBND xã và của phòng Nông nghiệp huyện (BL 45)) và tại sổ đỏ của gia đình ông P1 có chiều dài giáp thửa đất nhà ông T2 là 26,3m ; trong khi sổ đỏ cấp cho ông T2 chỉ thể hiện dài 24,6m. Tuy nhiên tổng diện tích đất giao cho ôngTùng không thay đổi là 237,5m^2; số liệu không đồng nhất Tòa đã có công văn đề nghị khai thác hồ sơ, xin ý kiến cấp tại xã, tại huyện về nội dung nhưng không có tài liệu chứng minh việc thu hồi đất vườn này của ông T2.

Về tài sản của ông P1, ông T2 trên diện tích đất tranh chấp, gồm :

-Tường rào xây gạch ba vanh xây năm 2009 cao 1,7m dày 110m dài 14,88m trong đó tranh chấp là 11,8m; sát tường là 01 hệ thống bể bioga 9,6m3 gồm bể to và 1 bể phụ (có văn bản của Ông Nguyễn Đức H3- là đội trưởng đội xây cho dự án huyện Y tại thời điểm) xác nhận, khi xây những công trình trên không ai có ý kiến gì.

- Hệ thống giằng bê tông rộng 22 cao 25cm, dài 9,00m trong đó nằm trong tranh chấp là 5,59m; sân bê tông diện tích 2,87m^2 dầy 10cm .

Về vị trí, ranh giới thửa đất giữa các hộ gia đình sử dụng ổn định từ khi được giao năm 1990, gia đình ông Đ2 nhận đất từ năm 1993 và các hộ đều cùng được cấp sổ đỏ từ ngày 16/01/2004; các hộ gia đình không có khiếu nại gì về việc cấp đất của Ủy ban Huyện, không có xảy ra tranh chấp từ đó cho đến tháng 03/2023, nguyên đơn cho rằng chiều rộng thửa đất thiếu so với bìa đã được cấp không xác định được hộ nào lấn chiếm yêu cầu đo các hộ liền kề: Hộ bà X, hộ

Ông P1 thể hiện tại BL 01, 08,09,11,15; như vậy lời khai của ông Phong T2 phù hợp với người làm chứng, phù hợp về hiện trạng quá trình sử dụng đất.

Cấp sơ thẩm đã căn cứ số liệu trên sổ đỏ và so sánh số liệu khi đo đạc hiện trạng để quyết định mà chưa đánh giá xem xét các tài liệu khác về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất ổn định, có ranh giới rõ ràng của các bên, các tài liệu khác thu thập được trong quá trình giải quyết tranh chấp tại cơ sở và hồ sơ cấp quyền là chưa đảm bảo, cần rút kinh nghiệm.

Từ phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông H về việc yêu cầu ông P1 và ông T2 trả lại diện tích đất lấn chiếm.

Ngoài ra, đối với ý kiến của UBND xã về việc gia đình ông Đúc H4 đang sử dụng diện tích đất của xã, sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[3] Từ những nhận định phân tích nêu trên việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải di dời tháo dỡ tài sản trên diện tích đất tranh chấp là không có căn cứ.

Do đó, cần chấp nhận nội dung đơn kháng cáo ngày 03/10/2023 và ngày 06/10/2023 của bị đơn ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn H; giữ nguyên hiện trạng các thửa đất của các hộ gia đình (có sơ đồ trích đo kèm theo).

Gia đình ông H, ông P, ông T có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký chỉnh lý diện tích thửa đất theo quy định của Luật đất đai.

[4] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên ông Bùi Văn H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng:

- Tại cấp sơ thẩm: Nguyên đơn ông Bùi Văn H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.170.000 đồng, đã giải quyết thu - chi đủ.

Tại cấp phúc thẩm: Ông T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 15.000.000đ đã chi 8.930.000đ và đã trả lại 6.070.000đ cho anh T đủ;

Do việc khởi kiện không được chấp nhận, nên ông H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; do ông T đã nộp chi nên ông H có trách nhiệm thanh toán lại số tiền này cho phía bị đơn.

Buộc ông H phải thanh toán lại số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ

và định giá tài sản cho ông Nguyễn Văn T số tiền 8.930.000

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điều 95 Luật Đất đai; khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 7; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn P (Nguyễn Thanh P1), sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La, như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn H, giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của các hộ gia đình (kèm theo sơ đồ đo hiện trạng).

Ông Bùi Văn H, ông Nguyễn Văn P (Nguyễn Thanh P1), ông Nguyễn Văn T có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký chỉnh lý diện tích thửa đất về hiện trạng đất sử dụng theo Luật đất đai.

2. Về án phí:

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn P được trả lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu nộp tiền tạm ứng án phí số 0000303 ngày 13/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La.

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên Nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ theo Biên lai thu nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003340 ngày 06/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La. Bị đơn ông Nguyễn Văn P và anh Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng tạcấp sơ thẩm: Nguyên đơn anh Bùi Văn H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.170.000 đồng; cấp sơ thẩm đã giải quyết thu - chi đủ.

Tại cấp phúc thẩm: ông Nguyễn Văn T đã nộp chi phí xem xét thẩm đã là 8.930.000đ. Do việc khởi kiện không được chấp nhận, nên ông H phải chịu trách nhiệm về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; do ông T đã nộp chi nên ông H có trách nhiệm thanh toán lại số tiền này cho bị đơn .

Buộc ông H phải thanh toán lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 8.930.000đ (tám triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng chẵn).

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên Nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 25/01/2024).

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^{a}, 7^{b} và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*"./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Y, tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Y, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Thị Mai Lan